

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản,
thu nhập năm 2025 Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang**

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 26 người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, trong đó có: 14 người thuộc đối tượng kê khai hàng năm; 12 người thuộc đối tượng kê khai bổ sung (Có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 có tên tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm kê khai tài sản, thu nhập (03 bản) theo đúng mẫu quy định, nộp Bản kê khai tài sản về Chánh Văn phòng Sở (đối với công chức), Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp chậm nhất trong ngày 29/12/2025.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận Bản kê khai, tổng hợp kết quả kê khai các đối tượng thuộc đơn vị mình; chuyển Bản kê khai cho Chánh Văn phòng Sở chậm nhất trong ngày 31/12/2025.

2. Chánh Văn phòng Sở có trách nhiệm:

a) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, tiếp nhận, quản lý Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật và Quyết định này báo cáo Giám đốc Sở, đồng thời bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 của người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra tỉnh về Thanh tra tỉnh.

b) Tham mưu với Giám đốc Sở công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của người thuộc đối tượng kê khai bằng hình thức phù hợp;

c) Tổng hợp kết quả kê khai, công khai tài sản, thu nhập trình Giám đốc Sở báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở; các Trưởng phòng chuyên môn; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (Tổng hợp);
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- TTTĐT Sở Tư pháp (Đăng tải);
- Lưu: VT.TTr.Đ.Đ.K.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Lâm

DANH SÁCH
NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 245/QĐ-STP ngày 18/12/2025
của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang)*

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Thuộc trường hợp kê khai tài sản theo quy định
I	Kê khai hàng năm: 14 người		
1	Nguyễn Khánh Lâm	Giám đốc Sở Tư pháp	Điểm a khoản 3 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
2	Đặng Thị Thanh Hương	Phó Giám đốc Sở Tư pháp	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
3	Vũ Thị Như Trang	Phó Giám đốc Sở Tư pháp	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
4	Cam Thị Anh Vân	Phó Giám đốc Sở Tư pháp	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
5	Khổng Xuân Thành	Chánh Văn phòng Sở Tư pháp	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
6	Trần Thị Liên	Phó Chánh văn phòng Sở Tư pháp	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
7	Lại Khoa Lâm	Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước - Trợ giúp viên pháp lý	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Thuộc trường hợp kê khai tài sản theo quy định
8	Lê Thu Huyền	Trưởng Phòng công chứng số 2	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
9	Vũ Thị Minh Hiền	Phó Trưởng Phòng công chứng số 1	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
10	Đoàn Diệu Thúy	Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
11	Nguyễn Thị Hòa	Phó Trưởng phòng Hỗ trợ và Hành chính tư pháp	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
12	Nguyễn Minh Hoàng	Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý số 2	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
13	Nguyễn Kim Tuyền	Trưởng Phòng nghiệp vụ 2, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước - Trợ giúp viên pháp lý	Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
14	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Kế toán viên Văn phòng Sở Tư pháp	Điểm c Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập
II	Kê khai bổ sung: 12 người		
1	Phạm Thị Việt	Trưởng phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Thuộc trường hợp kê khai tài sản theo quy định
2	Lý Thị Hương Giang	Trưởng Phòng Xây dựng kiểm tra văn bản và thi hành pháp luật.	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
3	Nguyễn Thị Vân	Phó Trưởng Phòng Xây dựng kiểm tra văn bản và thi hành pháp luật.	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
4	Lê Huy Tùng	Phó Trưởng Phòng Xây dựng kiểm tra văn bản và thi hành pháp luật.	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
5	Nguyễn Huyền Hương	Phó Chánh Văn phòng Sở Tư pháp	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
6	Trương Thị Lan	Chuyên viên Phòng Xây dựng kiểm tra văn bản và thi hành pháp luật.	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
7	Hán Thị Thu Hà	Công chức văn thư, lưu trữ, Văn phòng Sở Tư pháp	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
8	Đỗ Xuân Dũng	Chuyên viên Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
9	Nguyễn Phương Thúy	Chuyên viên Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
10	Nguyễn Thị Hiền	Chuyên viên Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
11	Giảng Thị Mai	Chuyên viên Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018
12	Ma Thị Thùy Dung	Chuyên viên Phòng Hỗ trợ và Hành chính tư pháp	Khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018